

Số: 05A/2018/QĐHNGĐ -ST

Ngày: 11-01-2018

V/v: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Minh Đạt.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lê Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 355/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về yêu cầu: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định mở phiên họp số: 214/2017/QĐPH-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Bùi Thị Bé T - Sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt).

- Ông Nguyễn Toàn N - Sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông N và bà T. Ông N và bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T có 01 người con chung là Nguyễn Minh T - Sinh ngày: 03/7/2008 (hiện đang sống chung với ông Nguyễn Toàn N). Khi ly hôn bà Bé T và ông N thống nhất để ông N được quyền trực tiếp nuôi người con chung nêu trên, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách nhận định:

Đây là việc dân sự về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con*” giữa ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T; bà Bùi Thị Bé T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách không tiến hành hòa giải đoàn tụ và tiến hành giải quyết vắng mặt bà Bé T là phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở đơn yêu cầu và các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách căn cứ vào khoản 2 Điều 29, các điều 35, 39, 361, 367 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết là đúng với thẩm quyền.

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 15 tháng 5 năm 2008 theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống. Ông, bà đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, ông N và bà Bé T thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T có 01 (một) người con chung là Nguyễn Minh Thư - Sinh ngày: 03/7/2008 (hiện đang sống chung với ông Nguyễn Toàn N và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông N). Khi ly hôn bà Bé T và ông N thống nhất để ông N được quyền trực tiếp nuôi người con chung nêu trên, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Về nợ chung: Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T cùng xác định không có nợ chung, cũng không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ liên quan đến việc dân sự này nên không giải quyết.

* Tại phiên họp vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 396 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu của ông N, bà Bé T.

Từ nhận định nêu trên, xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 67, 149, 361, 367, 370, 371 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T.
2. Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ghi nhận việc ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.
3. Về con chung:

- Ông Nguyễn Toàn N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa ông và bà Bùi Thị Bé T là Nguyễn Minh T - Sinh ngày: 03/7/2008 (Nguyễn Minh T hiện đang sống chung với ông Nguyễn Toàn N và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông Nguyễn Toàn N). Ghi nhận ông Nguyễn Toàn N không yêu cầu bà Bùi Thị Bé T cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Bùi Thị Bé T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở bà Bé T thực hiện quyền này. Trong trường hợp bà Bé T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì ông N có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của bà Bé T.

- Vì lợi ích của con chung, ông Nguyễn Toàn N, bà Bùi Thị Bé T hoặc các nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, ông Nguyễn Toàn N, bà Bùi Thị Bé T có quyền thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản: Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

5. Về nợ: Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T cùng xác định không có nợ chung, không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ liên quan đến việc dân sự này nên không giải quyết.

6. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Ông Nguyễn Toàn N và bà Bùi Thị Bé T mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà mỗi người đã nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023932, 0023933 cùng ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Nơi nhận:

- Ông Nguyễn Toàn N;
- Bà Bùi Thị Bé T;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- UBND xã B;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Minh Đạt